

Số: 03 /TTr-HĐQT-DVĐN

Đà Nẵng, ngày 6 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Các nội dung đề nghị Đại hội thảo luận và biểu quyết

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

- Căn cứ Báo cáo của HĐQT về việc thực hiện các Chỉ tiêu SXKD, công tác quản lý điều hành năm 2022, những nhận định về tình hình kinh tế, chính trị trong nước và quốc tế gây ảnh hưởng đến thị trường hàng không, du lịch... Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ Hàng không Sân bay Đà Nẵng kính trình Đại hội cổ đông (ĐHĐCĐ) các nội dung như sau:

1. Báo cáo kết quả SXKD và Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch | Thực hiện | % so với KH |
|----------------------|----------|----------|-----------|--------------------|
| Sản lượng (suất ăn) | Suất | 754,974 | 824,386 | 109,2% |
| Tổng doanh thu | Tr. đồng | 88,190 | 105,950 | 120,2% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr. đồng | -7,325 | 1,268 | tăng 8,593 tỷ đồng |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr. đồng | -7,325 | 1,268 | tăng 8,593 tỷ đồng |
| Vốn đầu tư của CSH | Tr. đồng | 42,677 | 42,677 | 100.00% |
| Kế hoạch đầu tư | Tr. đồng | 8,280 | 1,845 | 22,28% |
| Tỷ lệ cổ tức dự kiến | - | | | |

2. Phương án phân phối kết quả SXKD năm 2022:

Đơn vị tính: đồng

| TT | CHỈ TIÊU | THỰC HIỆN |
|-----|---|----------------|
| 1 | Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế | 1,268,146,100 |
| 2 | Thuế TNDN phải nộp | 0 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 1,268,146,100 |
| | Trong đó: | |
| 3.1 | Lợi nhuận các đơn vị cung ứng suất ăn, Thương mại | -1,382,150,117 |
| 3.2 | Lợi nhuận tại TTDN Huế | 1,596,235,009 |
| | Phân phối LN tại TTDN Huế: | |
| | a. Trích quỹ khen thưởng, PL tại TT Huế | 71,800,000 |
| | b. Chia cho các cổ đông góp vốn | 625,728,176 |
| | c. LN Công ty được chia từ TT Huế | 898,706,833 |
| 3.3 | Lợi nhuận tại TTDN Đà Nẵng | 1,054,061,208 |
| | Phân phối LN tại TTDN Đà Nẵng | |
| | a. Trích quỹ khen thưởng, PL tại TT Đà Nẵng | 0 |
| | b. Chia cho các cổ đông góp vốn | 516,489,993 |
| | c. LN Công ty được chia từ TT Đà Nẵng | 537,571,215 |
| 4 | Lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi chia cho các Hợp đồng HTKD tại 2 Trung tâm: (4=3.1+3.2c+3.3c) (Mã 421b-BCĐKT) | 54,127,931 |

Ghi chú:

- Lợi nhuận tại Trung tâm Đà Nẵng năm 2022: Do ảnh hưởng của các chính sách chống dịch tại thành phố Đà Nẵng, Trung tâm Đà Nẵng phải đóng cửa không được hoạt động trong nhiều tháng nên bị thua lỗ liên tiếp trong hai năm 2020 (lỗ: 1,002 tỷ đồng), năm 2021 (lỗ: 3,158 tỷ đồng), tổng lỗ lũy kế tại Trung tâm Đà Nẵng cả hai năm 2020, 2021: 4,159 tỷ đồng. Kết quả hoạt động trong năm 2022 của Trung tâm Đà Nẵng đạt được Lợi nhuận: 1,054 tỷ đồng sẽ được dùng để bù lỗ cho các năm trước và không chia cho các bên tham gia góp vốn.

- Lợi nhuận tại Trung tâm Huế năm 2022: Do Trung tâm kinh doanh có lãi và không có các khoản lỗ lũy kế các năm trước, nên Trung tâm được trích 5% Lợi nhuận sau thuế cho các quỹ KT, PL dành cho các hoạt động chăm lo cho NLĐ của TT. Phần Lợi nhuận sau khi trích các quỹ sẽ phân chia cho các bên góp vốn, theo đó Công ty được chia Lợi nhuận: 898 triệu đồng (theo tỷ lệ vốn góp: 58,95%).

* Năm 2022, nhờ tình hình dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát, hoạt động SXKD của Công ty năm 2022 đã đạt được kết quả quan hơn các năm trước, Công ty đã thoát lỗ và bước đầu có lãi, tuy nhiên mức Lợi nhuận năm 2022 còn khiêm tốn, chỉ: 1,268 tỷ đồng, vẫn chưa đủ bù lỗ cho khoản lỗ của hai năm 2020, 2021 nên năm 2022 Công ty không chia cổ tức cho các cổ đông.

- Lỗ lũy kế của Công ty trong hai năm 2020 và 2021: - 27.027.065.215 đồng.

* Đối với cổ tức năm 2019: (ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua tỷ lệ cổ tức chia cho các cổ đông 25%/VĐL số tiền là 10,67 tỷ đồng): do hoạt động SXKD của Công ty trong hai năm 2020-2021 liên tiếp thua lỗ do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 đồng thời phần Lợi nhuận của năm 2022 chưa đủ bù trừ lỗ lũy kế, nhằm giảm bớt khó khăn về vốn và dòng tiền cho MASCO, tạm thời năm 2023 Công ty chưa chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông; Căn cứ tình hình hoạt động và kết quả SXKD năm 2023, HĐQT MASCO sẽ báo cáo với các cổ đông sau.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

Trên cơ sở thực hiện năm 2022 và những khó khăn, thuận lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã được dự báo trong năm 2023, Hội đồng quản trị trình Đại hội những chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2023 HĐQT đề nghị | Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua |
|--|-------------------------------|-----------------------------|
| 1. Tổng vốn chủ sở hữu bình quân | 43.480 | 43.480 |
| Trong đó: | | |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 31/12/2023 | 42.677 | 42.677 |
| 2. Sản lượng suất ăn (suất) | 1.488.961 | 1.488.961 |
| 3. Doanh thu thực hiện | 158.006 | 158.006 |
| 4. Tổng chi phí | 151.391 | 151.391 |
| Trong đó: Tổng quỹ lương | 45.563 | 45.563 |
| 5. Lợi nhuận trước thuế | 6.615 | 6.615 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế | 6.615 | 6.615 |
| 7. Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ | | |
| 8. Tổng phát sinh phải nộp NS | 3.794 | 3.794 |

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2023 HĐQT đề nghị | Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua |
|-------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| 9. Lao động bình quân | 424 | 424 |
| 10. Tổng vốn đầu tư trong năm | 29.450 | 29.450 |

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2023 tiếp tục chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, xung đột địa chính trị vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh. Để chủ động trong điều hành SXKD, HĐQT kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty chủ động rà soát, điều chỉnh Kế hoạch SXKD khi thị trường có những biến động bất thường, ảnh hưởng tới kết quả SXKD và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phù hợp với tình hình thực tế. Công ty sẽ thông báo cho các cổ đông kết quả điều chỉnh kế hoạch (nếu có).

4. Kế hoạch đầu tư 2023: (Chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

- Dự án chuyển tiếp từ năm 2022 : 1,600 tỷ đồng
- Dự án đầu tư mới trong năm 2023 : 28,800 tỷ đồng
- Tổng cộng mức đầu tư Kế hoạch 2023 : 29,450 tỷ đồng

5. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (báo cáo đính kèm)

- Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã tích cực triển khai các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

6. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát (báo cáo đính kèm)

- Báo cáo của Ban kiểm soát đã trình bày được các hoạt động mà BKS đã thực hiện trong năm 2022, cơ bản đã đánh giá đầy đủ về hoạt động SXKD của Công ty năm 2022, hoạt động quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty, công tác đầu tư và quyết toán dự án trong năm 2022 cũng như đánh giá việc tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Công ty của Ban quản lý, điều hành trong niên độ 2022. Bên cạnh đó báo cáo cũng tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022 của Công ty.

7. Thông qua báo cáo tình hình thực hiện chi trả thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2022 và phương án trả thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2023:

- Thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS được thực hiện đầy đủ 100% theo kế hoạch năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

7.1. Tình hình thực hiện chi trả thù lao và tiền lương năm 2022:

a. Thù lao: 78.780.000đ

- Chủ tịch HĐQT : 1.625.000đ/người/tháng tương ứng 19.500.000 đồng/năm.
- UV HĐQT : 910.000đ/người/tháng tương ứng 43.680.000 đồng/năm.
- UV BKS : 650.000đ/người/tháng tương ứng 15.600.000 đồng/năm.

b. Tiền lương: 93.600.000 đ

- Trưởng ban BKS : 7.800.000 đ/người/tháng tương ứng 93.600.000 đồng/năm

7.2. Kế hoạch chi trả tiền lương và thù lao năm 2023:

- Công ty xây dựng Kế hoạch thù lao, tiền lương HĐQT, BKS năm 2023 như thực hiện năm 2022: **172.380.000 đồng**, trong đó:

a. Thù lao: 78.780.000đ

- Chủ tịch HĐQT : 1.625.000đ/người/tháng tương ứng 19.500.000 đồng/năm.
- UV HĐQT : 910.000đ/người/tháng tương ứng 43.680.000 đồng/năm.
- UV BKS : 650.000đ/người/tháng tương ứng 15.600.000 đồng/năm.

b. Tiền lương: 93.600.000 đ

- Trưởng ban BKS : 7.800.000 đ/người/tháng tương ứng 93.600.000 đồng/năm

8. Thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2023.

- Nhằm cải thiện tình trạng mất cân đối nguồn vốn, dòng tiền của Công ty, tăng cường khả năng tự tài trợ, giúp các chỉ số tài chính của Công ty được tốt hơn, tạo thuận lợi hơn cho Công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh, tăng thêm thế mạnh về năng lực tài chính cho doanh nghiệp khi giao dịch với các đối tác. Đề nghị Đại hội thống nhất thông qua chủ trương phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty. Giao HĐQT chỉ đạo Công ty tổ chức triển khai Phương án phát hành có hiệu quả, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo các nội dung chỉ tiêu SXKD, phương hướng nhiệm vụ năm 2023. HĐQT trân trọng báo cáo và mong nhận được ý kiến đóng góp của các cổ đông để hoạt động SXKD năm 2023 đạt kết quả cao nhất.

Với sự đoàn kết thống nhất cao trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, sự sáng tạo, linh hoạt và quyết đoán trong quản trị và điều hành, được các cổ đông đồng lòng ủng hộ, nhất định HĐQT, Ban TGD điều hành sẽ vượt qua khó khăn thách thức của năm 2023, thực hiện tốt các mục tiêu đại hội đề ra.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐÀO MẠNH KIÊN

PHỤ LỤC 1. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023

| STT | Danh mục đầu tư | KH đã được HĐQT phê duyệt | KH điều chỉnh | Tăng giảm so với KH đã được phê duyệt |
|-----------|---|---------------------------|---------------|---------------------------------------|
| A | Dự án chuyển tiếp kỳ trước (I+II) | 2,000 | 1,600 | -400 |
| I | Đầu tư trang thiết bị (1+2+3) | | | |
| II | Đầu tư xây dựng cơ bản (1+2) | 2,000 | 1,600 | -400 |
| | Thiết bị mô phỏng lái xe ô tô (DN Đà Nẵng, Huế) | 2,000 | 1,600 | -400 |
| 1 | Các dự án chuẩn bị đầu tư | | | |
| 2 | Các dự án thực hiện đầu tư | | | |
| B | Dự án đầu tư mới (I+II) | 24,450 | 27,850 | +4,350 |
| I | Đầu tư trang thiết bị lẻ (1+2+3) | 17,590 | 20,990 | +3,400 |
| 1 | Các dự án chuẩn bị đầu tư | | | |
| 2 | Các dự án thực hiện đầu tư | 16,130 | 19,530 | +2,400 |
| 2.1 | Xe ô tô dạy lái tự động (ĐN 3 xe và HUE 3 xe) | 3,600 | | - 3,600 |
| | Xe ô tô dạy lái tự động (ĐN 5 xe và HUE 3 xe) | | 4,800 | + 4,800 |
| | Xe ô tô dạy lái sàn (ĐN 3 xe và HUE 1 xe) | | 2,200 | +2,200 |
| 2.2 | Thiết bị dò kim loại (An ninh suất ăn CXR) | 350 | 350 | |
| 2.3 | Công an ninh ra vào (DAD, CXR và HUI) | 180 | 180 | |
| 2.4 | Xe vận chuyển suất ăn (3 xe) | 12,000 | 12,000 | |
| 3 | Đầu tư trang thiết bị lẻ | 1,460 | 1,460 | |
| 3.1 | Thiết bị lẻ (tủ lạnh 2 cánh DAD, tủ lạnh 3 cánh CXR, xe nâng hàng CXR, máy thái thịt CXR...) | 500 | 500 | |
| 3.2 | Lò hấp nướng đa năng 10 khay 1/1GN Bếp NonHalal DAD | 280 | 280 | |
| 3.3 | Lò hấp nướng đa năng 6 khay 1/1GN Bếp Halal DAD | 220 | 220 | |
| 3.4 | Bổ sung và thay thế điều hòa 1,5HP (15 bộ) DAD, CXR | 300 | 300 | |
| 3.5 | Lốc dàn nóng kho lạnh/ đông/ máy làm đá (4 lốc) DAD | 160 | 160 | |
| II | Đầu tư xây dựng cơ bản (1+2) | 6,860 | 7,810 | |
| 1 | Các dự án chuẩn bị đầu tư | | | |
| 2 | Các dự án thực hiện đầu tư | 6,860 | 7,810 | |
| 2.1 | Cải tạo cơ sở hạ tầng DAD (Chống thấm mặt sau, 2 bên nhà xưởng bằng tôn, Thay bể nước bằng bình Inox tầng 4, sơn lại toàn bộ tòa nhà) | 860 | 1.460 | |
| a | Chống thấm mặt sau và 2 bên tòa nhà | 480 | 480 | |
| b | Thay bể nước bằng bình Inox tầng 4 | 50 | 50 | |
| c | Sơn ngoài trời mặt tiền nhà chế biến SA DAD | 200 | 200 | |
| d | Ốp gạch tường bếp bánh | 80 | 80 | |
| e | Lắp thanh chống va đập tường T1, T4 DAD | 50 | 50 | |
| 2.2 | Xây dựng nhà kho suất ăn DAD (thuê mặt bằng) | 400 | 400 | |
| 2.4 | Mở rộng sân tập lái trung tâm Thừa Thiên Huế | 1,800 | 1,800 | |
| 2.5 | Chống thấm sàn nhà xưởng CXR bằng lợp tôn | 1,800 | 1,800 | |
| 2.6 | Xây dựng sân tập lái tại Đà Nẵng | 2,000 | 2,000 | |
| | Tổng cộng (A+B) | 26,450 | 29,450 | +3,000 |